

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Phú.

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện chị Th đang lao động tại địa chỉ: KTX Trường Đại học V, số 385 đường V, khu V, thành phố Đài N, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn C, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn - chị Hoàng Thị Th trình bày: chị và anh Nguyễn Đình Th kết hôn ngày 19/7/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi hết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2013 bắt đầu mâu thuẫn, chị về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện với nhau để cùng chung sống nuôi dạy con nhưng bất đồng về quan điểm quá lớn. Tháng 12 năm 2018 chị đi lao động tại Đài

Loan, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Đình Hải N, sinh ngày 13/6/2013 hiện đang do anh Th1 nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu N.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị xác định vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023, bị đơn - anh Nguyễn Đình Thiện trình bày: anh và chị Th kết hôn ngày 19/7/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Th1, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Th về chung sống cùng với anh và gia đình anh. Năm 2013, do làm ăn thua lỗ nên anh đưa chị Th về nhà mẹ chị Th ở đến khi nào trả hết nợ anh sẽ đến đón mẹ con chị Th về. Cuối năm 2018, anh được biết chị Th đã đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng ít liên lạc với nhau, đến năm 2020 thì không còn liên lạc nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2013 đến nay, chị Th xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Đình Hải N, sinh ngày 13/6/2013, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu N, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023, cháu Nguyễn Đình Hải Nam trình bày: cháu là con trai của bố Th1, mẹ Th, nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống cùng với bố, nguyện vọng của cháu là tự nguyện, cháu không bị ai ép buộc khi trình bày nguyện vọng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Th, anh Th1 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Các đương sự thực hiện đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ;

Về quan điểm giải quyết vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84, khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đình Th. Giao cho anh Th1 nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đình Hải N, sinh ngày 13/6/2013 đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Đình Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ngọc Th1, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Hoàng Thị Th hiện đang lao động tại Đài Loan. HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS;

Về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 BLTTDS.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đình Th đều vắng mặt nhưng chị Th1, anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[3]. Về quan hệ hôn nhân, HĐXX thấy: chị Th và anh Th1 kết hôn ngày 19/7/2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Ngọc Th1, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa hợp được, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh Th1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh Th1.

[4]. Về con chung: chị Th và anh Th1 có 01 con chung là Nguyễn Đình Hải N, sinh ngày 13/6/2013 hiện đang sống cùng với anh Th1. Anh Th1 có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu N đang sống cùng với anh Th1 và có nguyện vọng được sống cùng với anh Th1, chị Th đang làm việc, sinh sống ở nước ngoài. Để đảm bảo điều kiện cho con chung được phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống cũng như học tập nên cần giao cháu N cho anh Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Th, anh Th1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đình Th.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Đình Hải N, sinh ngày 13/6/2013 cho anh Nguyễn Đình Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0000005 ngày 16/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: anh Nguyễn Đình Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Hoàng Thị Th hiện đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang